

Bản án số:140/2023/HS-ST  
Ngày: 15-9-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Bảo A - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: không), sinh năm 1979 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Đức M và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/4/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

2. Bà Bùi Thị Phương T1, sinh năm: 2000; địa chỉ: tổ G, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

**- Người chứng kiến:**

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm: 1994; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Đ, thành

phố P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 21/4/2023, tổ công tác của Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên tiến hành tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân báo tin tại quán K thuộc địa bàn tổ dân phố T có một số đối tượng biểu hiện nghi vấn tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác triển khai lực lượng đến quán K kiểm tra thì phát hiện tại khu vực sảnh lễ tân có 03 đối tượng có biểu hiện nghi vấn gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1991; trú tại xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và Bùi Thị Phương T1 (sinh năm 2000; trú tại tổ G, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên). Tổ công tác yêu cầu kiểm tra thì Đ1 tự lấy từ trong túi quần phía trước bên trái đang mặc ra 01 túi ni lông, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể giao nộp cho tổ công tác (Theo Đ1 khai số chất rắn dạng tinh thể trên là ma túy loại “Ke” của Đ1 vừa mua của Nguyễn Thị T với giá 2.000.000 đồng). Tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Thị T, T tự nguyện giao nộp từ trong túi quần phía trước bên trái đang mặc cho tổ công tác số tiền 2.000.000 đồng (T khai nhận số tiền trên là tiền mà Đ1 đưa cho T để mua ma túy tổng hợp loại “Ke”). Tiến hành kiểm tra đối với Bùi Thị Phương T1 không phát hiện thu giữ đồ vật, tài sản gì. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội qua tang đối với Nguyễn Thị T, niêm phong vật chứng thu giữ và đưa T cùng các đối tượng trên về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để giải quyết theo quy định.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Phòng K1 Công an tỉnh T tiến hành mở niêm phong cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng tinh thể thu giữ của Nguyễn Văn Đ1 được 0,323 gam (niêm phong ký hiệu M gửi giám định). Tại bản Kết luận giám định số 642 ngày 30/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: *"Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong kí hiệu M gửi giám định là chất ma túy: Loại Ketamine; Khối lượng của mẫu giám định là: 0,323 gam."*

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận: T và gia đình có kinh doanh dịch vụ quán K tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình kinh doanh quán hát, T được khách hàng đến hát cho số điện thoại của một người nam giới (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) có bán ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 19/4/2023, T liên hệ qua điện thoại với người nam giới để hỏi mua ma túy, loại

“Ke” thì được người nam giới này đồng ý. Sau đó, T và người nam giới hẹn nhau đến khu vực chợ S để trao đổi, mua bán ma túy. Khi đến điểm hẹn, Thu mua được từ người nam giới trên 01 túi ma túy loại “Ke” với giá 1.800.000 đồng. Mua được ma túy, T mang túi ma túy này về quán K rồi cất tại ngăn kéo của bàn gỗ kê ở quầy lễ tân. Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 21/4/2023, T đang ở quầy lễ tân quán K thì có Nguyễn Văn Đ1 và Bùi Thị Phương T1 đến hát. Đ1 hỏi thuê phòng hát và hỏi mua ma túy loại “Ke” của T thì được T đồng ý, Đ1 đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng tiền mua ma túy, T cầm tiền rồi cất vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc, bảo với Đ1 đi vào phòng hát số 2 chờ một lúc. Sau đó, T lấy từ ngăn bàn ở quầy lễ tân ra 01 túi ma túy loại “Ke” đã mua từ trước để ra bàn. Khoảng 20 phút sau thì Đ1 và T1 ra quầy lễ tân, Đ1 hỏi T “*Có chưa*” (ý của Đ1 là hỏi T có ma túy chưa) thì T hát hàm về vị trí để túi ma túy trên mặt bàn lễ tân, Đ1 cầm túi ma túy đút vào túi quần bên trái phía trước đang mặc. Ngay sau đó, lực lượng Công an thành phố P đến phát hiện, bắt quả tang như nêu trên, Đ1 đã tự nguyện giao nộp túi ma túy loại “Ke” vừa mua của T, còn T tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng có được do bán ma túy cho Đ1.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKSPY ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần thẩm vấn công khai, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng số 121/CT-VKSPY ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, vỏ bao gói kèm theo. Tịch thu ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Thị T.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm hòa nhập cộng đồng, thành người có ích cho xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám xét khẩn cấp và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/4/2023, tại quán K thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Thị T đã có hành vi bán trái phép 0.323 gam ma túy, loại Ketamine cho Nguyễn Văn Đ1 với giá 2.000.000 đồng thì bị tổ công tác của Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm phát sinh các loại tội phạm khác. Hành vi, ý thức của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản cáo trạng số 121/CT-VKSPY ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ.

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:  
*“Điều 251. Tội Mua bán trái phép chất ma túy*

*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...”*

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần phải xử lý

ng nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo thiếu tu dưỡng, rèn luyện, muốn kiếm tiền một cách bất chính mà không bằng con đường lao động chân chính nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như trên.

**[4]** Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

- Về nhân thân: Nguyễn Thị Thu sinh ra và lớn lên tại P, tỉnh Thái Nguyên, từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 7/12, sau đó nghỉ học ở làm lao động tự do tại địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chưa có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**[5]** Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc loại tội nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, là mầm mống làm phát sinh thêm các loại tội phạm khác nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu, số lượng ma túy mua bán không lớn, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, bản thân bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bản thân nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

**[6]** Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để nộp vào ngân sách nhà nước.



[7] Về vật chứng vụ án: các vật chứng của vụ án gồm 01 phong bì niêm phong màu trắng ký hiệu M, bên trong có 0,220 gam ma túy loại Ketamine và vỏ bao mẩu hoàn lại sau giám định và 01 phong bì niêm phong màu trắng ký hiệu L, bên trong có chứa vỏ bao mẩu lưu kho. Đây được xác định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu của bị cáo T có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về chi phí tố tụng: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác của vụ án:

- Nguyễn Văn Đ1 có hành vi tàng trữ trái phép 0,323 gam ma túy loại Ketamin mục đích để sử dụng cho bản thân, Đ1 chưa có tiền án, tiền sự, lượng ma túy tàng trữ chưa đủ cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra cảm hoá, xử lý hành chính đối với Đ1 là phù hợp quy định pháp luật.

- Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn Đ1, theo T khai nhận mua của một người nam giới tại khu vực chợ S với số tiền 1.800.000 đồng. Tuy nhiên, điện thoại T sử dụng để gọi cho người nam giới đã bị mất, T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người nam giới này nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 46, Điều 47; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

**2. Về hình phạt:**

*2.1 Hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 21/4/2023.

- Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo công tác thi hành án.

*2.2 Về hình phạt bổ sung:* Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

**3. Về xử lý vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong màu trắng ký hiệu M, bên trong có 0,220 gam ma túy loại Ketamine và vỏ bao mẫu hoàn lại sau giám định và 01 phong bì niêm phong màu trắng ký hiệu L, bên trong có chứa vỏ bao mẫu lưu kho. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu của vị cáo T có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

*Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi giữa Công an thành phố P với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phố Yên.*

**4. Về án phí:** Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phố Yên;
- Chi cục THADS TP. Phố Yên;
- Công an thành phố Phố Yên;
- Nhà tạm giữ Công an TP Phố Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Xuân Lộc**